

BIÊN CHẾ XE KHÓA 48002K24B2007&B2008 (0224CD) HẠNG B2

stt	Họ và tên học viên	n. sinh	Địa chỉ	xe	g. chú
1	NGUYỄN VIỆT THẢO	28/12/1996	P.1, TP. Đông Hà, T. Quảng Trị	43A-671.65 Lê Văn Đông	
2	LÊ THỊ NÙNG PHIN	23/03/1992	P. Hòa Thọ Đông, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
3	TRẦN CÔNG TRUNG	01/12/1999	X. Hòa Tiến, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
4	PHÙNG THỊ TRÂM	24/10/1982	X. Hòa Nhơn, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		0623
5	NGUYỄN THỊ THUY TRANG	24/10/1982	X. Tiên Thọ, H. Tiên Phước, T. Quảng Nam		0623
6	LÊ THANH PHƯƠNG	20/10/2001	P. Hải Châu II, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	43A-293.30 Tạ Minh Thuận	
7	HOÀNG XUÂN SANG	22/09/1998	P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
8	HOÀNG ĐỨC HIẾU	11/07/2005	P.5, TP. Đông Hà, T. Quảng Trị		
9	NGUYỄN NHẬT HOÀNG	30/08/2005	P. Thống Nhất, H. Krông Búk, T. Đắk Lắk		
10	NGUYỄN NGỌC KỶ DUYÊN	23/02/2003	P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	43A-292.11 Huỳnh Ngọc Tân	
11	TRẦN MINH THẮNG	23/12/2004	P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
12	PHAN HUỲNH ĐỨC	15/03/1975	P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
13	TRẦN VĂN LÝ	21/05/1987	P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
14	ĐẶNG NGỌC QUANG	13/10/1985	P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
15	LÊ VĂN HIẾU	24/02/2004	P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	43A-015.10 Trần Ngọc Tuấn	
16	PHAN XUÂN HÒA	20/04/1982	P. Hòa Thọ Tây, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
17	NGUYỄN THỊ HÀ	01/05/1986	P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng		
18	TRẦN THỊ THU THỦY	19/09/1983	X. Điện Phương, TX. Điện Bàn, T. Quảng Nam		
19	LƯƠNG THỊ MỸ VI	27/11/1994	X. Phú An, H. Đắk Pơ, T. Gia Lai		
20	LÊ KHẢ PHÁP	06/03/2002	P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	43A-292.56 Trương Công Sỹ	
21	TRẦN PHƯỚC MINH	12/11/1978	P. Tam Thuận, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
22	LÊ TRƯỜNG GIANG	20/10/1995	X. Ea M'Doal, H. M'Drăk, T. Đắk Lắk		
23	LƯƠNG VĂN HỒNG	25/06/1979	P. Phở Minh, TX. Đức Phổ, T. Quảng Ngãi		
24	PHẠM XUÂN THÀNH	27/05/1979	X. Điện Trung, TX. Điện Bàn, T. Quảng Nam		
25	PHAN HOÀNG HUY	19/03/2006	P. Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	43A-274.93 Trần Minh Hải	
26	NGUYỄN ANH THUẦN	21/05/1976	P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
27	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG NAM	23/03/1999	P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng		
28	ĐOÀN THỊ LAN NHI	01/05/1998	X. Tân Liên, H. Hướng Hóa, T. Quảng Trị		
29	XA PHAN UYÊN THI	10/08/1998	TT. Hà Lam, H. Thăng Bình, T. Quảng Nam		

30	PHẠM NGỌC TẤN	16/05/2005	P. Hòa Phát, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	43A-275.90 Nguyễn Văn Cường	0923
31	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	05/11/1999	P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
32	BÙI VĂN LỢI	07/03/1998	P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		
33	HUỲNH VĂN NHẬT TIẾN	03/12/1999	P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
34	LÊ VĂN PHƯỚC	26/01/2002	X. Hòa Tiến, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
35	ĐẶNG VĂN ANH DUY	26/08/2000	P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	43A-293.53 Lê Quốc Việt	
36	NGUYỄN NHẬT LINH	10/10/1998	X. Hòa Phú, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
37	LÊ QUANG NGHĨA	07/11/2000	P. Hải Châu II, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
36	NGUYỄN LƯƠNG TRI	01/01/2002	P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		
38	NGUYỄN VĂN TRIỆU	16/01/2004	X. Hòa Phong, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
39	NGUYỄN VĂN TUẤN	30/04/1998	P. Thuận Phước, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	43A-292.59 Võ Lưu	
40	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	01/04/2002	X. Hòa Phong, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
41	DƯƠNG QUANG THIỆN	24/04/1988	P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		
42	HỒ VĂN ĐỊNH	20/07/2003	X. Hòa Phước, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
43	LÊ QUANG HUY	05/02/2004	X. Hòa Phong, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng		
44	CHUNG QUANG ANH KHOA	16/11/1996	P.26, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	43A-236.81 Bùi Kiến Quốc	
45	NGUYỄN VĂN LỢI	25/07/2004	P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 3 năm 2024

TỔ 2 PHỤ TRÁCH

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Thanh